



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán ngân hàng thương mại HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	01					
2	000002	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					
3	000003	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	01					
4	000004	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	02					
2	000002	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	02					HP
3	000003	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	02					HP
4	000004	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	02					
5	000005	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	02					HP
6	000006	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	02					
7	000007	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	02					HP
8	000008	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	02					
9	000009	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	02					
10	000010	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02					
11	000011	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	02					HP
12	000012	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	02					
13	000013	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	02					HP
14	000014	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	02					
15	000015	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	02					
16	000016	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	02					
17	000017	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	02					HP
18	000018	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	02					ĐK
19	000019	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	02					
20	000020	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	02					HP
21	000021	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A4_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kiểm toán hoạt động

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	01					HP
2	000002	1001060353	Đình Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	01					
3	000003	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01					HP
2	000002	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01					
3	000003	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	01					
4	000004	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	01					
5	000005	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	01					
6	000006	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	01					
7	000007	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	01					HP,ĐK
8	000008	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	01					
9	000009	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	01					
10	000010	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	01					HP
11	000011	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	01					
12	000012	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	01					HP
13	000013	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	01					HP
14	000014	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	01					HP
15	000015	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	01					
16	000016	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01					HP
17	000017	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01					HP
18	000018	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01					HP
19	000019	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01					
20	000020	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01					HP
21	000021	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	01					
22	000022	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	01					
23	000023	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	01					
24	000024	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	01					
25	000025	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	01					
26	000026	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	01					HP
27	000027	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	02					
28	000028	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	01					
2	000002	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	01					HP
3	000003	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	01					
4	000004	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	01					HP
5	000005	1001021560	Nguyễn Thùy	Phuong	07/08/2004	KD10E	01					
6	000006	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	01					
7	000007	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	01					
8	000008	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	01					HP
9	000009	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	01					
10	000010	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	01					HP
11	000011	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01					HP,ĐK
12	000012	0810211042	Nguyễn Thu	Phuong	06/04/2002	KD8H	01					HP,ĐK
13	000013	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	01					HP
14	000014	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	01					HP,ĐK
15	000015	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	01					
16	000016	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	01					
17	000017	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A5_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý thống kê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	01					HP
2	000002	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị bán hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01					HP
2	000002	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01					HP
3	000003	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01					
4	000004	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	01					
5	000005	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	01					HP
6	000006	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	01					
7	000007	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	01					HP
8	000008	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	01					HP
9	000009	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01					
2	000002	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A4_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị kênh phân phối

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01					
2	000002	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị quan hệ khách hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	01					
2	000002	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	01					
3	000003	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	01					
4	000004	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	01					
5	000005	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	01					
6	000006	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	01					
7	000007	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	01					
2	000002	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	01					HP
3	000003	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01					HP
4	000004	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	01					HP
5	000005	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	01					HP
6	000006	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	01					HP
7	000007	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	01					
8	000008	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	01					
9	000009	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	01					
10	000010	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	03					
2	000002	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	03					
3	000003	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	03					
4	000004	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	03					HP
5	000005	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03					HP
6	000006	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03					HP
7	000007	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	03					HP
8	000008	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	03					
9	000009	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	03					
10	000010	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	03					HP,ĐK
11	000011	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	03					
12	000012	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	03					HP,ĐK
13	000013	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	03					
14	000014	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	03					
15	000015	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	03					
16	000016	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	03					HP
17	000017	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	03					HP
18	000018	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	04					
19	000019	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	04					
20	000020	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	04					
21	000021	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	04					
22	000022	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	04					HP
23	000023	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	04					
24	000024	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	04					HP
25	000025	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	04					
26	000026	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	04					
27	000027	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	04					
28	000028	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	04					
29	000029	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	04					
30	000030	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	04					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	04					HP
32	000032	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	04					
33	000033	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	04					
34	000034	1001080382	Đình Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	03					
2	000036	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	03					HP
3	000037	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	03					HP
4	000038	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03					
5	000039	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	03					
6	000040	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	03					HP
7	000041	1101010874	Nguyễn Trần Thông	Nhất	19/01/2005	NH11A	03					HP
8	000042	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	03					
9	000043	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	03					
10	000044	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	03					HP
11	000045	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	03					
12	000046	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03					
13	000047	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	03					
14	000048	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	03					
15	000049	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	03					
16	000050	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	03					
17	000051	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	03					
18	000052	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	03					
19	000053	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	03					HP
20	000054	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03					HP
21	000055	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	04					HP
22	000056	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	04					HP
23	000057	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	04					HP
24	000058	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	04					
25	000059	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	04					HP
26	000060	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	04					
27	000061	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	04					
28	000062	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	04					HP
29	000063	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	04					HP
30	000064	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	04					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000065	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	04					
32	000066	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	04					
33	000067	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	04					HP
34	000068	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	04					
35	000069	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000070	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	03					
2	000071	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	03					HP
3	000072	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	03					
4	000073	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	03					
5	000074	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	03					HP
6	000075	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	03					
7	000076	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	03					
8	000077	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	03					
9	000078	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	03					
10	000079	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	03					HP,ĐK
11	000080	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	03					
12	000081	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	03					HP,ĐK
13	000082	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	03					
14	000083	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	03					
15	000084	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	03					
16	000085	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	03					HP
17	000086	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	03					
18	000087	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	04					
19	000088	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	04					
20	000089	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04					
21	000090	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	04					
22	000091	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	04					
23	000092	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	04					
24	000093	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	04					
25	000094	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	04					HP
26	000095	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	04					
27	000096	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	04					HP
28	000097	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	04					HP
29	000098	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	04					
30	000099	0901020161	Đình Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	04					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000100	1001010842	Ngô Thê	Phát	17/11/2004	NH10A	04					
32	000101	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	04					
33	000102	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	04					
34	000103	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	04					
35	000104	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	04					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Thẩm định giá bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	01					
2	000002	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	01					
3	000003	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	01					
4	000004	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Marketing căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	02					
2	000002	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	02					HP
3	000003	1001021572	Phan Thị	Thom	29/12/2003	KD10E	02					
4	000004	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	02					
5	000005	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	02					
6	000006	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	02					HP
7	000007	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	02					
8	000008	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	02					
9	000009	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	02					
10	000010	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	02					HP
11	000011	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	02					HP
12	000012	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	02					
13	000013	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	02					
14	000014	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	02					
15	000015	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	02					ĐK
16	000016	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	02					
17	000017	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	02					
18	000018	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	02					
19	000019	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	02					ĐK
20	000020	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	02					HP
21	000021	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	02					HP
22	000022	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	02					HP,ĐK
23	000023	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	02					
24	000024	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	02					
25	000025	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	02					
26	000026	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	02					HP
27	000027	1101030650	Bùi Thảo	Nguyễn	09/10/2005	QM11A	02					
28	000028	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	02					
29	000029	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	02					HP
30	000030	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	02					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	02					
32	000032	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	02					HP
33	000033	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	02					HP,ĐK
34	000034	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01					
2	000002	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	01					
3	000003	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	01					
4	000004	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	01					
5	000005	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	01					
6	000006	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	02					
2	000002	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	02					
3	000003	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02					
4	000004	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	02					
5	000005	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	02					
6	000006	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	02					
7	000007	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	02					
8	000008	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	02					
9	000009	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	02					
10	000010	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	02					
11	000011	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 1 - Điền kinh (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A						
2	000002	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A						
3	000003	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B						
4	000004	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C						
5	000005	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C						
6	000006	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A						
7	000007	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A						
8	000008	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B						
9	000009	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B						
10	000010	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	KD12A						
11	000011	1201020333	Khương Thị Uyển	Nhi	26/08/2006	KD12B						
12	000012	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C						
13	000013	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B						
14	000014	1104020001	Lê Thị Tú	Anh	28/11/1989	LT11A						
15	000015	1104020015	Lê Hoàng Kim	Suyền	02/10/1996	LT11A						
16	000016	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G						

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày tháng Năm



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B						

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A7_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông (Lý thuyết)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1104020001	Lê Thị Tú	Anh	28/11/1989	LT11A	03					
2	000002	1104020015	Lê Hoàng Kim	Suyền	02/10/1996	LT11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	02					
2	000002	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	02					
3	000003	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	02					HP
4	000004	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02					
5	000005	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02					HP
6	000006	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	02					HP
7	000007	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	02					HP
8	000008	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	02					HP
9	000009	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	02					HP
10	000010	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	02					
11	000011	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	02					
12	000012	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	02					
13	000013	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	02					HP
14	000014	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	02					
15	000015	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	02					
16	000016	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	02					HP,ĐK
17	000017	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	02					HP,ĐK
18	000018	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02					ĐK
19	000019	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	02					
20	000020	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02					ĐK
21	000021	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	02					
22	000022	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	02					
23	000023	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	02					
24	000024	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	02					
25	000025	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	02					
26	000026	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	02					
27	000027	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	02					
28	000028	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	02					
29	000029	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	02					
30	000030	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	02					
31	000031	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	02					
32	000032	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001080382	Đình Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	02					
2	000002	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	02					
3	000003	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	02					HP
4	000004	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	02					
5	000005	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	02					
6	000006	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	02					
7	000007	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	02					
8	000008	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	02					HP
9	000009	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	02					
10	000010	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	02					
11	000011	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	02					
12	000012	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	02					
13	000013	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	02					HP
14	000014	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	02					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vi mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	03					HP
2	000002	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	03					
3	000003	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	03					
4	000004	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	03					HP
5	000005	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	03					HP
6	000006	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	03					HP
7	000007	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	03					HP
8	000008	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	03					
9	000009	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	03					
10	000010	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	03					
11	000011	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03					
12	000012	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	03					
13	000013	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	03					HP
14	000014	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	03					HP
15	000015	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	03					HP
16	000016	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	03					
17	000017	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	03					
18	000018	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	03					
19	000019	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	03					
20	000020	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	03					
21	000021	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	03					
22	000022	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	03					HP
23	000023	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	03					
24	000024	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	03					HP,ĐK
25	000025	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	01					
2	000002	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	01					
3	000003	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	01					
4	000004	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	01					
5	000005	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01					
6	000006	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	02					
7	000007	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	02					
8	000008	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	02					
9	000009	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	02					
10	000010	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	02					
11	000011	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	03					HP
12	000012	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	03					
13	000013	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	03					
14	000014	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	03					
15	000015	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	03					
16	000016	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	03					
17	000017	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	03					
18	000018	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	04					
19	000019	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	04					
20	000020	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	04					
21	000021	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	04					
22	000022	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	04					
23	000023	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	05					
24	000024	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	05					HP
25	000025	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	05					HP
26	000026	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP
27	000027	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	05					
28	000028	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	05					HP
29	000029	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	05					
30	000030	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	05					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	05					
32	000032	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	05					HP
33	000033	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	05					
34	000034	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	05					
35	000035	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	05					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01					
2	000037	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01					
3	000038	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	01					
4	000039	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	01					
5	000040	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01					HP
6	000041	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	02					
7	000042	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	02					
8	000043	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	02					
9	000044	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	02					
10	000045	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	03					
11	000046	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	03					
12	000047	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	03					
13	000048	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	03					
14	000049	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	03					
15	000050	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	04					
16	000051	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04					
17	000052	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	04					
18	000053	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	04					HP,ĐK
19	000054	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	04					
20	000055	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	04					
21	000056	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	05					
22	000057	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	05					HP,ĐK
23	000058	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	05					HP
24	000059	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	05					
25	000060	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	05					
26	000061	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	05					HP
27	000062	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	05					
28	000063	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	05					HP
29	000064	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	05					HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000065	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	05					HP
31	000066	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	05					HP,ĐK
32	000067	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	05					
33	000068	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	05					HP
34	000069	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	05					
35	000070	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	05					
36	000071	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	05					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2